

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Bài tập lớn.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:...Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh).....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:Đợt 1..... Giờ thi:.....HK1, 21-22.....****Phòng thi:****Giảng viên giảng dạy:Trần Xuân An.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228126	1	2119180003	Trần Ngọc	Ái	23/07/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	2	2119180001	Vô Ngọc	An	16/12/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	3	2120180035	Huỳnh Hoàng	Anh	03/11/2002	CCQ2018B	5.0	8.0	6.8	
228126	4	2120170073	Nguyễn Ngọc	Bảo	27/07/2002	CCQ2018C	5.5	8.0	7.0	
228126	5	2119180005	Nguyễn Phan Quốc	Bảo	24/01/2000	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	6	2120180002	Hứa Thanh	Bình	19/03/2002	CCQ2018A	5.0	8.0	6.8	
228126	7	2120170042	Nguyễn Ngọc	Chiến	12/07/2001	CCQ2018C	5.0	5.0	5.0	
228126	8	2120180079	Huỳnh Hữu	Cường	24/07/2002	CCQ2018C	5.0	5.0	5.0	
228126	9	2120180037	Nguyễn Trọng	Dinh	06/01/2002	CCQ2018B	6.0	5.0	5.4	
228126	10	2120180038	Đinh Nhật Trường	Duy	15/05/2002	CCQ2018B	5.0	5.0	5.0	
228126	11	2120180007	Lâm Thành	Duy	06/05/2001	CCQ2018A	6.0	5.0	5.4	
228126	12	2119180006	Nguyễn Trọng	Duy	30/12/2001	CCQ1918A	6.0	7.0	6.6	
228126	13	2119180008	Trần Quốc	Đạt	22/08/2001	CCQ1918A	6.5	7.0	6.8	
228126	14	2120170394	Phan Huỳnh	Đức	30/11/2002	CCQ2018C	5.5	7.0	6.4	
228126	15	2119180010	Lê Hồng	Hào	15/08/2001	CCQ1918A	6.5	7.5	7.1	
228126	16	2119180012	Lê Hoàng	Hiệp	23/05/2001	CCQ1918A	5.0	5.0	5.0	
228126	17	2120180081	Nguyễn Minh	Hiếu	06/11/2001	CCQ2018C	7.5	8.0	7.8	
228126	18	2120180082	Lê Đình Huy	Hoàn	30/10/2001	CCQ2018C	8.0	8.0	8.0	
228126	19	2119180014	Hồ Thanh	Hùng	02/07/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	20	2119180015	Nguyễn Xuân	Hùng	06/01/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	21	2119180017	Đào Trung	Kiệt	08/06/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	22	2119180020	Đỗ Thành	Nam	02/02/2001	CCQ1918A	6.5	8.0	7.4	
228126	23	2119180019	Nguyễn Hoài	Nam	16/09/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	24	2120180091	Nguyễn Thế	Nghĩa	20/05/1999	CCQ2018C	8.0	8.0	8.0	
228126	25	2120180093	Nguyễn Trần Trọng	Nguyên	13/08/2002	CCQ2018C	5.0	8.0	6.8	
228126	26	2120180057	Đinh Thiên Thiện	Nhân	24/01/2002	CCQ2018B	6.0	6.0	6.0	
228126	27	2119180022	Trần Tấn	Phúc	26/08/2001	CCQ1918A	5.0	6.0	5.6	
228126	28	2119180023	Nguyễn Tấn	Quý	31/01/2000	CCQ1918A	5.0	6.0	5.6	
228126	29	2120180060	Lê Văn	Sang	19/05/2001	CCQ2018B	5.0	6.0	5.6	
228126	30	2119180085	Nguyễn Thành	Son	20/11/2001	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	31	2120180061	Nguyễn Thế	Son	11/11/1999	CCQ2018B	5.0	7.5	6.5	
228126	32	2119180024	Nguyễn Công	Tài	01/01/2000	CCQ1918A	5.5	7.5	6.7	
228126	33	2120180062	Nguyễn Nhựt	Tâm	27/10/2000	CCQ2018B	5.0	7.5	6.5	
228126	34	2117180088	Vô Ngọc	Thạch	24/07/1998	CCQ1718B	5.0	7.5	6.5	
228126	35	2119180027	Nguyễn Việt	Thành	11/01/2001	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	36	2120180028	Lê Minh	Thoại	07/02/2002	CCQ2018A	5.0	7.5	6.5	
228126	37	2119180028	Nguyễn Minh	Thống	09/09/2001	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	38	2119180029	Nguyễn Văn	Thuận	01/01/2001	CCQ1918A	6.5	7.5	7.1	
228126	39	2119180031	Trần Thanh	Tiền	27/01/2001	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	40	2119180032	Nguyễn Văn	Tiền	11/07/2000	CCQ1918A	5.5	7.5	6.7	
228126	41	2119180033	Nguyễn Trung	Tính	20/10/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	42	2120170211	Nguyễn Văn	Trị	02/10/2001	CCQ2018C	6.0	8.0	7.2	Trang 2

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228126	43	2120180065	Nguyễn Tấn	Trọng	03/10/2002	CCQ2018B	5.0	8.0	6.8	
228126	44	2119180034	Trương Đình	Trung	27/03/2001	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	45	2119180037	Nguyễn	Trường	25/08/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	46	2119180036	Nguyễn Đan	Trường	18/10/2001	CCQ1918A	5.5	8.0	7.0	
228126	47	2119180039	Nguyễn Quang	Tùng	09/02/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	48	2119180038	Trần Trọng	Tuyền	20/03/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	49	2118180082	Phan Văn	Việt	04/01/2000	CCQ1818B	5.5	8.0	7.0	
228126	50	2119180041	Trần Ngọc	Vinh	30/05/2001	CCQ1918A	5.0	8.0	6.8	
228126	51	2120060054	Đỗ Hoàng Đình	Vũ	14/12/2000	CCQ2018C	5.0	8.0	6.8	
228126	52	2119180042	Nguyễn Tuấn	Vũ	24/07/2001	CCQ1918A	5.0	7.5	6.5	
228126	53	2120180034	Phan Minh	Vương	12/11/2001	CCQ2018A	5.0	7.5	6.5	
228126	54	2120180069	Trần Trịnh Đức	Ý	02/10/2000	CCQ2018B	5.0	6.0	5.6	

Số sinh viên có mặt: 54

Số bài thi: 11

Số sinh viên vắng mặt: 0

Số tờ giấy thi:

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

.....

Cán bộ chấm thi 1



Nguyễn Đức Nhơn

.....

Cán bộ chấm thi 2



.....